TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 6 - 2023
V/v không C nhận quan hệ vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Trung

2. Bà Trần Thị Kim Thắm

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tưởng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc không C nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Đình C, sinh năm 1952 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 216 Phan Bội C, phường Thống N, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Trương Hồng G, sinh năm 1989 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2023, quá trình tố tụng nguyên đơn Ông Mai Đình C trình bày: Ông và Bà Trương Hồng G tự quen biết nhau, qua thời

gian tìm hiểu thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, ông bà không có đăng ký kết hôn, lý do không đăng ký kết hôn do ông bận đi làm xa nên không có thời gian về đi đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống rất hạnh phúc nhưng từ năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với Bà Trương Hồng G.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Mai Đình Gia B (nam) sinh ngày 25/11/2012, Mai Đình Gia H (nữ) sinh ngày 19/9/2021, Mai Đình Gia K (nữ) sinh ngày 19/9/2021. Hiện con chung đang sống cùng vợ chồng ông. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung. Ông không yêu cầu Bà Trương Hồng G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu được tự thỏa thuận, nếu sau này có phát sinh tranh chấp ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn Bà Trương Hồng G trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông C về quá trình chung sống với nhau như vợ chồng và lý do không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thường xuyên cự cãi nhau. Nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắng nên bà cũng yêu cầu Tòa án giải quyết không C nhận bà và ông C là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Mai Đình Gia B (nam) sinh ngày 25/11/2012, Mai Đình Gia H (nữ) sinh ngày 19/9/2021, Mai Đình Gia K (nữ) sinh ngày 19/9/2021. Hiện con chung đang sống cùng vợ chồng bà. Bà đồng ý để Ông Mai Đình C tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu được tự thỏa thuận, nếu sau này có phát sinh tranh chấp bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 31/5/2023.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn; bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, nhận thấy hôn nhân giữa ông C và bà G không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình tố tụng ông C và bà G đồng ý ly

hôn với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử không C nhận ông C và bà G là vợ chồng; Về con chung: Ông C và bà G thỏa thuận được với nhau nên đề nghị ghi nhận là giao cháu Mai Đình Gia B (nam) sinh ngày 25/11/2012, Mai Đình Gia H (nữ) sinh ngày 19/9/2021, Mai Đình Gia K (nữ) sinh ngày 19/9/2021 cho ông C nuôi dưỡng. Ông C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự nên đề nghị ghi nhận; về tài sản chung: Các đương sự yêu cầu được tự thỏa thuận nên đề nghị không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác; về nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét; Do nguyên đơn là người cao tuổi nên đề nghị miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Ông Mai Đình C và Bà Trương Hồng G tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà G và yêu cầu giải quyết con chung; Bà G cư trú tại Ấp L, thị trấn N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc không C nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt ông C và bà G nhưng các đương sự đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 31/5/2023 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông C và bà G.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hôn nhân giữa ông C và bà G được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, ông C và bà G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 mà không có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống ông C và bà G phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được, ông C cho rằng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà G. Bà G cho rằng hôn nhân không thể hàn gắng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không C nhận bà và ông C là vợ chồng nên cho thấy hôn nhân của ông C và bà G đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C yêu cầu ly hôn với bà Giàu là có cơ sở chấp nhận. Đến thời điểm Tòa thụ lý giải quyết các đương sự vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều

53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không C nhận ông C và bà G là vợ chồng.

[3.2] Xét về con chung: Ông C và bà G khai thống nhất có 03 con chung tên Mai Đình Gia B (nam) sinh ngày 25/11/2012, Mai Đình Gia H (nữ) sinh ngày 19/9/2021, Mai Đình Gia K (nữ) sinh ngày 19/9/2021. Ông C và bà G thỏa thuận thống nhất là giao 03 con chung cho ông C, ông C không yêu cầu bà G cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Ông C và bà G thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết có nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Ông C và bà G khai thống nhất không có nên không xem xét.

[3.5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; do ông C là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí với số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không C nhận Ông Mai Đình C và Bà Trương Hồng G là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Ông Mai Đình C và Bà Trương Hồng G là Ông Mai Đình C được nuôi dưỡng 03 con chung tên Mai Đình Gia B (nam) sinh ngày 25/11/2012, Mai Đình Gia H (nữ) sinh ngày 19/9/2021, Mai Đình Gia K (nữ) sinh ngày 19/9/2021. Ông Mai Đình C không yêu cầu Bà Trương Hồng G cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho Bà Trương Hồng G không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự yêu cầu được tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Mai Đình C được miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ông Mai Đình C, bị đơn Bà Trương Hồng G có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đô